

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUỐC TỊCH**  
**THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày       /      /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam (2.001895)	05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- 100.000 đồng; - Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã.	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam (2.002039)	115 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 3.000.000 đồng;</li> <li>- Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</li> <li>+ Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước (2.002038)	85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2.500.000 đồng;</li> <li>- Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</li> <li>+ Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước (2.002036)	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	2.500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008;</li> <li>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> </ul>
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước (1.005136)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 20 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam;</li> <li>- 55 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền).</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng.</li> <li>- Miễn phí đối với: người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã.</li> </ul>	